

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 228/2018/HS-ST

Ngày: 09-11-2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG – TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Khỏe

2. Bà Vũ Thị Khuôn

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Bốn - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Đức - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở TAND thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 212/2018/TLST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 224/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 tại GL, Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn TĐ, xã GX, huyện GL, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 9/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Vũ Văn V (ông V được tặng Kỷ niệm chương thanh niên xung phong) và bà Đặng Thị Th. Có vợ là Bùi Thị L và 02 con, con lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Chưa

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú của Công an thành phố Hải Dương và của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1987. Trú tại: Khu 3, phường NC, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương (Có đơn xin vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Đình B, sinh năm 1994. Trú tại: Số 71 LTN, thị trấn GL, huyện GL, tỉnh Hải Dương (có mặt).

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1999. Trú tại: 143 LTN, Thị trấn GL, huyện GL, tỉnh Hải Dương(có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14h00 ngày 19/5/2018, Nguyễn Văn T cùng vợ là Bùi Thị L cho 02 con là Nguyễn Văn Nam Kh và Nguyễn Đăng K đến bể bơi Thái HD, thuộc P. NC, TP. Hải Dương chơi. T để đồ cá nhân tại ngăn tủ C13 và chơi tại bể bơi đến khoảng 18h cùng ngày, T ra đến bãi gửi xe thì không tìm thấy vé xe nên bảo vợ con đứng chờ rồi quay lại tủ đựng đồ kiểm tra thì thấy ngăn tủ C13 khóa, chìa khóa không cắm ở ổ khóa ngăn tủ. Đợi một lúc không biết ai sử dụng ngăn tủ C13 nên T lấy chìa khóa của một ngăn tủ khác để mở khóa ngăn C13 thì mở được. T nhìn thấy trong ngăn tủ có 01 túi nilon màu trắng đựng đồ và 01 chiếc 01 điện thoại Iphone 6s Plus màu vàng, ốp điện thoại màu trắng của chị Nguyễn Thị S ở Khu 3, P. NC, TP. Hải Dương nên nảy sinh chiếm đoạt chiếc điện thoại. T lấy chiếc điện thoại của chị S cho vào túi quần rồi khép cửa ngăn tủ lại đi ra bãi gửi xe báo mất vé xe, nộp cho bảo vệ 50.000 đồng rồi chở vợ con T về nhà. Đến khoảng 20h cùng ngày, do không mở được khóa điện thoại của chị S, T mang chiếc điện thoại đến cửa hàng mua bán và sửa chữa điện thoại B Mobile của anh Nguyễn Đình B ở số 373, đường NCN, TT GL, huyện GL, Hải Dương gặp anh Nguyễn Đình Đ ở thị trấn GL, GL, Hải Dương, T hỏi anh Đ có thể sửa và mở khóa máy Iphone 6s Plus được không thì anh Đ có hỏi về nguồn gốc của chiếc điện thoại. T nói là máy của vợ do sơ ý nên đã quên mật khẩu thì anh Đ nói không mở khóa được nên T bảo bán cho cửa hàng, anh Đ gọi điện cho anh B và đồng ý mua điện thoại với giá 1.300.000 đồng. Do máy không có mật mã không thể sử dụng nên anh B đã tháo linh kiện để bán cho khách hàng. Số tiền bán điện thoại T đã chi tiêu hết. Vật chứng thu giữ: Ngày 23/5/2018 anh Nguyễn Đình B đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Tỉnh Hải Dương 01 vỏ điện thoại Iphone 6s Plus màu vàng và 01 màn hình Iphone 6s Plus màu trắng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 38/KL-HĐĐG ngày 20/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố Hải Dương kết luận: Giá trị của 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6 plus màu vàng, đã qua sử dụng, mua mới năm 2017 là 9.093.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 23/5/2018, Nguyễn Văn T đã tự nguyện bồi thường 01 chiếc điện thoại Iphone 6S plus có giá trị tương đương cho chị Nguyễn Thị S. Chị S không yêu cầu bị can T bồi thường về dân sự.

Tại bản cáo trạng số: 223/CT-VKSTPHD ngày 17/10/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đã thực hiện như lời khai tại Cơ quan điều tra, xác định Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như bản cáo trạng đã nêu là đúng.

Người bị hại, chị Nguyễn Thị S vắng mặt tại phiên tòa xác nhận, bị cáo T đã khắc phục hậu quả bồi thường 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6S plus có giá trị Tương đương với giá trị tài sản bị chiếm đoạt nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về dân sự đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất cải tạo tại địa phương.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Đình B tự nguyện cho bị cáo số tiền bỏ ra mua điện thoại do bị cáo bán cho là 1.300.000 đồng và không yêu cầu bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn T và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về điều luật: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật về án treo;

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ **09** tháng đến **12** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ **18** tháng đến **24** tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 09/11/2018. Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã GX, huyện GL, tỉnh Hải Dương nơi bị cáo thường trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo T.

Trong trường hợp bị cáo T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp và tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo 01 màn hình Iphone 6s Plus màu trắng; 01 vỏ điện thoại Iphone 6s Plus màu vàng, nhãn hiệu Apple, trên vỏ có số Model

A1687FCC ID: BCG-E2944A IC: 579C – E2944A, tại phiên tòa do bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho tịch thu, phát mại sung vào ngân sách Nhà nước số vật chứng trên nên cần tịch thu, cho phát mại sung ngân sách Nhà nước 01 màn hình Iphone 6s Plus màu trắng; 01 vỏ điện thoại Iphone 6s Plus màu vàng, nhãn hiệu Apple, trên vỏ có số Model A1687FCC ID: BCG-E2944A IC: 579C – E2944A.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự ; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận gì:

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thấy hành vi của mình là sai và vi phạm pháp luật, mong Tòa xử cho bị cáo mức án thấp nhất, án treo và được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định, tài liệu, chứng cứ, của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tài liệu chứng cứ của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng và các tài liệu, chứng cứ được thu thập sử dụng tại phiên tòa của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ định tội danh và điều khoản áp dụng: Lời khai thú nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của chính bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; biên bản tạm giữ đồ vật; kết luận định giá tài sản cùng toàn bộ các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ và cơ sở kết luận: Khoảng 18h00 ngày 19/5/2018, tại Bể bơi Thái HD thuộc Khu 3, phường NC, TP. Hải Dương, Nguyễn Văn T lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại Iphone 6S Plus, màu vàng của chị Nguyễn Thị S để tại ngăn tủ đựng đồ C13. Trị giá tài sản chiếm đoạt là: 9.093.000 đồng.

Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do lòng tham lại muốn có tiền tiêu sài cá nhân nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo

đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố bị cáo về tội danh và điều luật tại bản cáo trạng nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang, lo sợ cho quần chúng nhân dân đặc biệt tại các khu vui chơi công cộng, làm mất trật tự trị an và an toàn xã hội ở địa phương. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, động cơ mục đích phạm tội của bị cáo là vì vụ lợi cá nhân. Do đó cần phải áp dụng hình phạt Tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo, để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt sống biết chấp hành và tuân thủ pháp luật.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo là người có nhân thân tốt ngoài lần phạm tội này, bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, nơi làm việc, có nơi cư trú rõ ràng không vi phạm các điều mà pháp luật cấm, chưa bao giờ bị kết án, bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật, phạm tội do lòng tham nhất thời bột phát. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi thực hiện tội phạm bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại trị giá tài sản, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được cải tạo tại địa phương. Mặt khác bị cáo có bố đẻ là Vũ Văn V (được tặng thưởng Kỷ niệm chương Thanh niên xung phong) đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 của Bộ luật hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù đối với bị cáo vì bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội phù hợp theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật về án treo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp, tài sản riêng và không có nguồn thu nhập nào khác, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, chị Nguyễn Thị S xác định bị cáo đã bồi thường thiệt hại về tài sản cho chị nên chị không yêu cầu về dân sự đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do đó không đặt ra giải quyết.

[7] Về vật chứng: Do bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại chiếc điện thoại Iphone 6s Plus có giá trị tương đương với giá trị chiếc điện thoại do bị cáo chiếm đoạt nên cần trả lại bị cáo 01 màn hình Iphone 6s Plus màu trắng; 01 vỏ điện thoại Iphone 6s Plus màu vàng, nhãn hiệu Apple, trên vỏ có số Model A1687 FCC ID: BCG-E2944A IC: 579C – E2944A, tại phiên tòa, bị cáo tự nguyện không nhận lại tài sản trên mà đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu, phát mại sung vào ngân sách Nhà nước nên cần chấp nhận.

[8] Về vấn đề khác: Đối với anh Nguyễn Đình B, Nguyễn Đình Đ không biết điện thoại do T trộm cắp tài sản mà có đã giao dịch mua bán và chị Bùi Thị L vợ bị cáo không biết bị cáo trộm cắp tài sản nên không có căn cứ xử lý là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 47; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật về án treo; Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 260, Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về mức hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T **08** (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **16** (mười sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 09/11/2018. Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã GX, huyện GL, tỉnh Hải Dương nơi bị cáo thường trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Nguyễn Văn T.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

4. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong nên không đặt ra giải quyết.

5. Về vật chứng: Tịch thu, cho phát mại sung vào ngân sách Nhà nước 01 màn hình Iphone 6s Plus màu trắng; 01 vỏ điện thoại Iphone 6s Plus màu vàng, nhãn hiệu Apple, trên vỏ có số Model A1687 FCC ID: BCG-E2944A IC: 579C – E2944A (*Vật chứng có đặc điểm, chủng loại, số lượng, tình trạng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/11/2018 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Dương và Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Hải Dương*).

6. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc bản án được niêm yết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có mặt tại phiên tòa) được quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại; Người có QLNVLQ;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND TP. Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT- Công an TP. Hải Dương;
- Cơ quan THAHS Công an TP. Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- UBND xã GX, huyện GL, Tỉnh Hải Dương.
- Phòng HSNVCS công an tỉnh;
- Sở tư pháp tỉnh;
- Lưu VP; - Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Quang Minh